

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13-3-2026

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Từ Anh Tuấn.
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 671/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1981; thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số A khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số G đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Trọng N, sinh năm 1983; thường trú: Ấp N, xã K, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số A khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng L và ông Huỳnh Trọng Nguyễn S khoảng thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) cấp giấy đăng ký kết hôn số

153/2011, quyền số 01/2011 ngày 11/8/2011. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, hiện tại tình cảm không còn, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại bà **L** và ông **N** đã sống ly thân và không còn tình cảm yêu thương nhau nên bà **L** yêu cầu ly hôn với ông **N**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên là **Huỳnh Trọng M**, sinh ngày 20/6/2002 và **Huỳnh Trọng N1**, sinh ngày 12/9/2006. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Nguyễn Hồng L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Huỳnh Trọng N** đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông **Nguyễn K** đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Hồng L** đây là vụ án Tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có đăng ký tạm trú và sinh sống tại **số A khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh** nên Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông **Huỳnh Trọng N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 13/02/2026 và ngày 13/3/2026 tuy nhiên ông **Nguyễn vắng M1** không có lý do. Bà **Nguyễn Hồng L** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng L và ông Huỳnh Trọng Nguyễn tự N2 kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy đăng ký kết hôn số 153/2011, quyển số 01/2011 ngày 11/8/2011 nên có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà L và ông Nguyễn L1 hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Hồng L trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung nên hiện nay đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn V vắng mặt thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...*”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên là Huỳnh Trọng M, sinh ngày 20/6/2002 và Huỳnh Trọng N1, sinh ngày 12/9/2006. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng L đối với ông Huỳnh Trọng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng L được ly hôn với ông Huỳnh Trọng N.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà **Nguyễn Hồng L** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà **L** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035391 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau.- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm